FLYERS ENGLISH

Từ vựng A1 Movers: Phương tiện giao thông

7 từ chủ đề phương tiện giao thông mới ở cấp độ Cambridge A1 Movers, kèm 3 từ ở các cấp độ trước mà con vẫn cần. Mỗi từ có nghĩa dễ hiểu và một câu ví dụ.

Cách dùng danh sách này

1. Mỗi ngày học một chủ đề. Mười đến mười lăm phút là đủ.
2. Cùng con đọc to từ, nghĩa và câu ví dụ.
3. Đánh dấu vào ô khi con nói được từ và đặt được câu với từ đó.

Phương tiện giao thông · A1 Movers 7 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **bus station** *noun*	It is a place where buses stop.	*We waited at the bus station.*
☐ **bus stop** *noun*	It's a place to wait for the bus.	*I wait at the bus stop after school.*
☐ **driver** *noun*	A driver makes a car go.	*My mum is a good driver.*
☐ **station** *noun*	A place where trains or buses stop.	*I wait for the bus at the station.*
☐ **ticket** *noun*	A small piece of paper to enter a place.	*I have a ticket to see the movie.*
☐ **tractor** *noun*	It is a big farm machine.	*The tractor helps the farmer.*
☐ **trip** *noun*	A time when you go to another place.	*We took a trip to the zoo last week.*

Cần ôn thêm: từ vựng Pre-A1 Starters 3 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **bus** *noun*	A big car for many people.	*I ride the bus to school.*
☐ **go** *verb*	Move to another place.	*I go to school every day.*
☐ **ship** *noun*	It is a big boat.	*I see a big ship on the sea.*

Nghe phát âm và chơi với các từ này

Danh sách này có hình, âm thanh và trò chơi miễn phí trên FlyersEnglish. Mở trang bên dưới trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính.

flyersenglish.com/vi/wordlist/movers/transport

Bám sát danh sách từ vựng chính thức của Cambridge English Young Learners. Nghĩa và câu ví dụ do FlyersEnglish biên soạn. FlyersEnglish không liên kết với Cambridge và không được Cambridge bảo trợ.